CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cơ điện Miền Trung

Ngày 30/09/2025	24,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**-7.0%**

DT thuần
Q3/25
57.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼27.0| -31.9%
YoY: ▲ 9.50| 19.8%

LN thuần
Q3/25
0.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.27| 42.2%
YoY: ▲ 0.36| 65.1%

LN sau thuế
Q3/25
0.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.24| 62.1%
YoY: ▲ 0.06| 10.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
1.9%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE (TTM)
Q3/25
6.7%
YoY: +/-▲ 0.0%

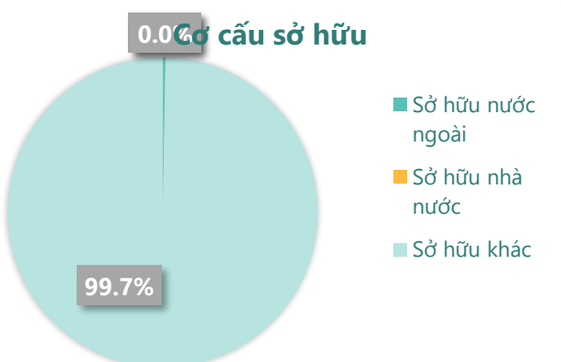
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	24,000 - 25,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	192
Số lượng CPLH (CP)	8,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	(0.02)
EPS	776
P/E	30.9

DT thuần
9T 2025
205
tỷ VNĐ
YoY: ▼127| -38.2%

LN thuần
9T 2025
2.94
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.68| -18.7%

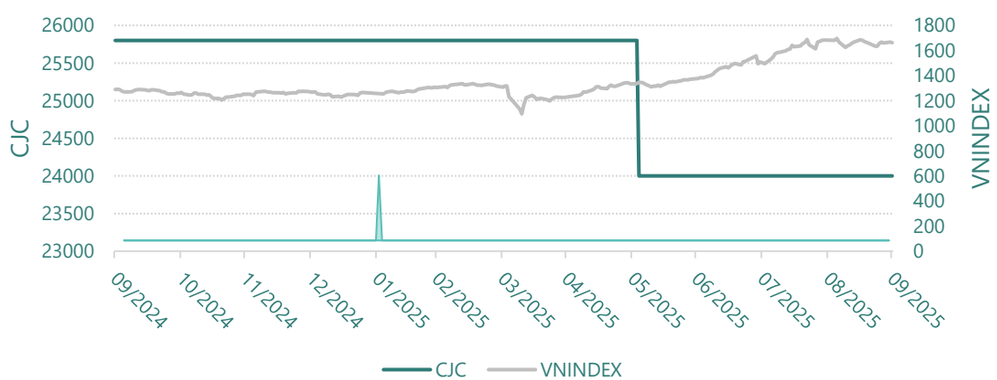
LN sau thuế
9T 2025
2.01
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.61| -44.4%

Cơ cấu sở hữu

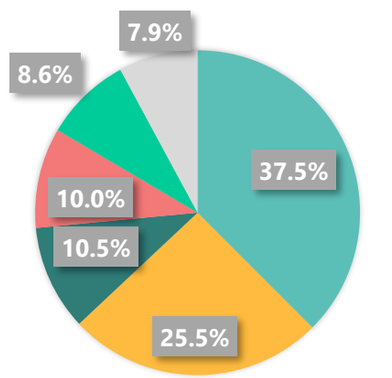


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

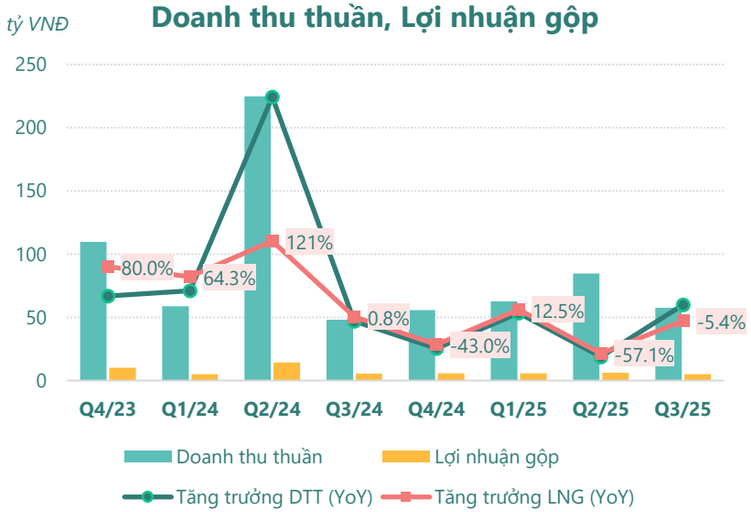


- CTCP Tập đoàn Austdoor
- Nguyễn Hữu Thắng (Chủ tịch HĐQT)
- Đào Thị Minh Thu
- Lê Thành Lâm (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Ngọc Kiên
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

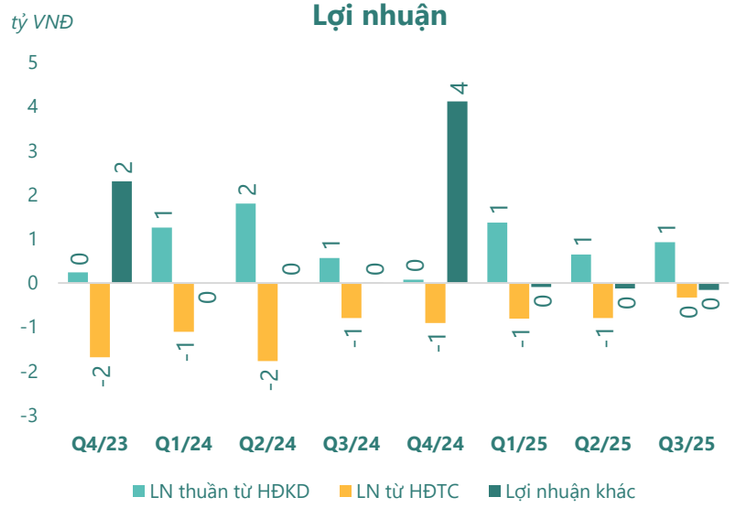
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



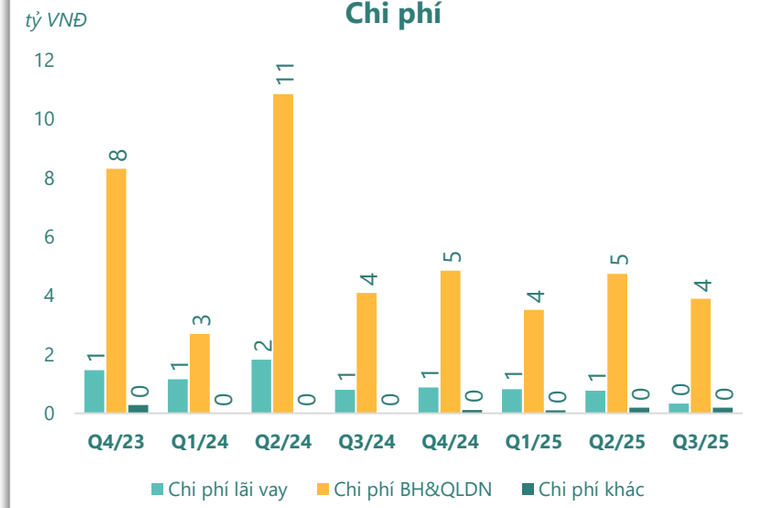
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



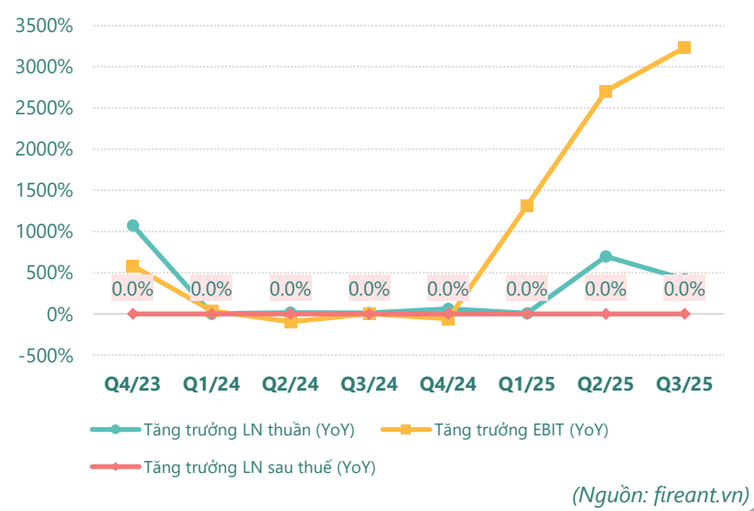
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



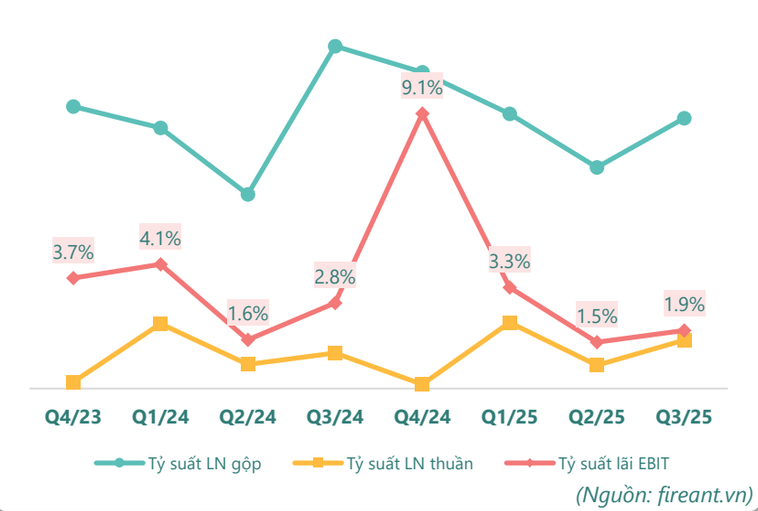
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



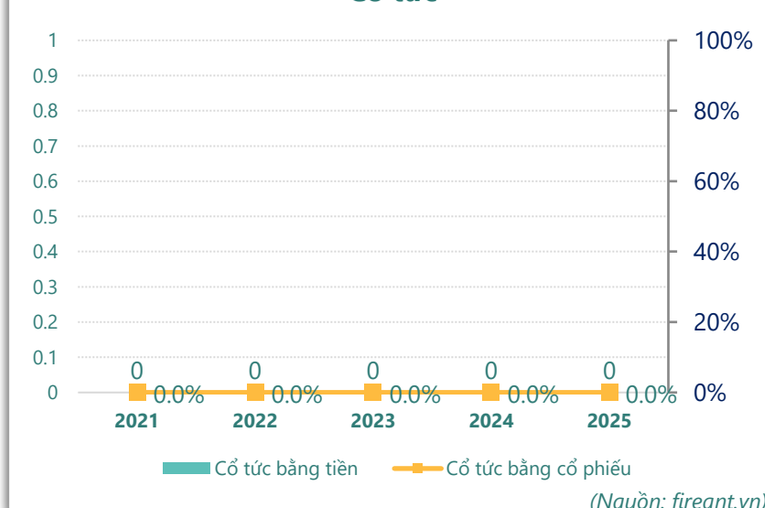
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

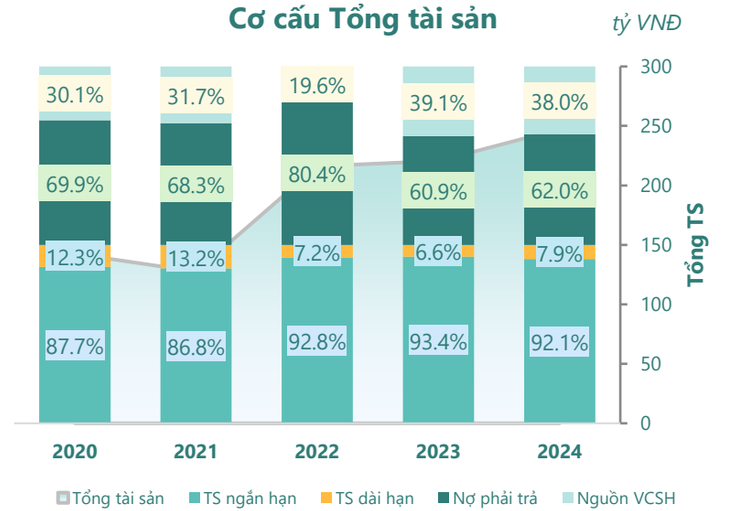
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

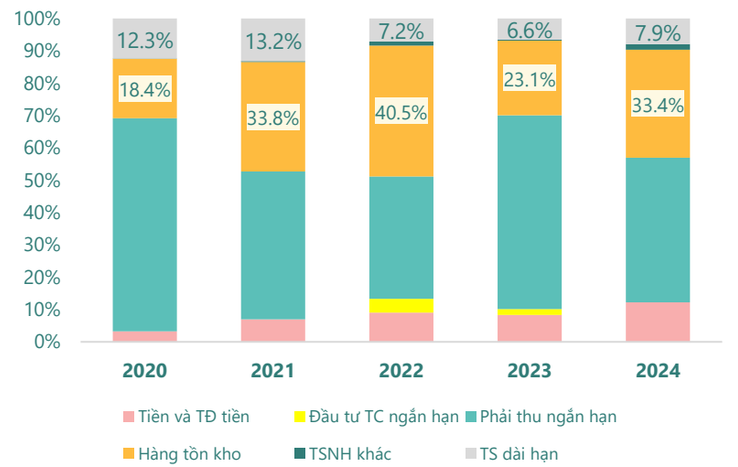
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



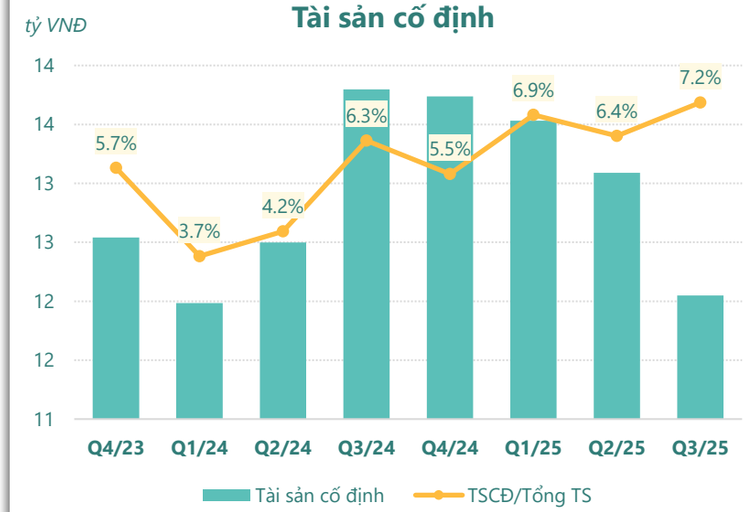
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



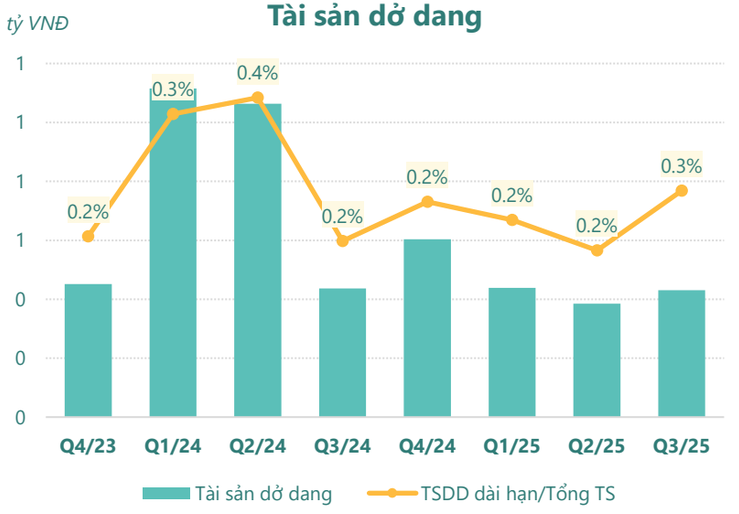
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



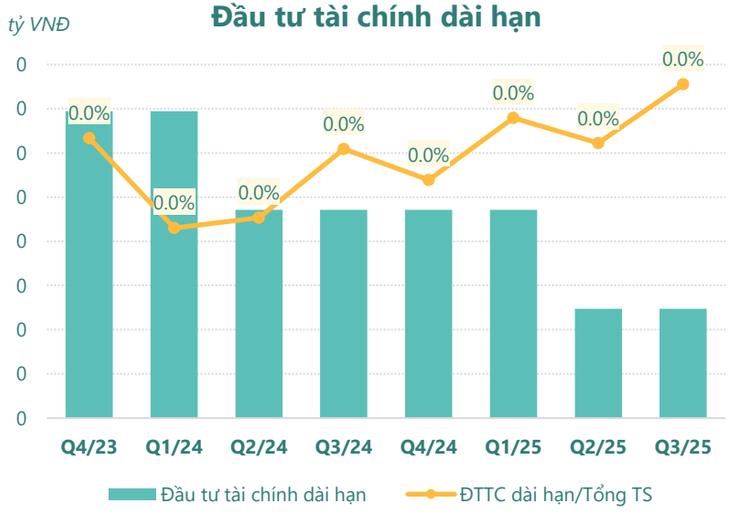
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



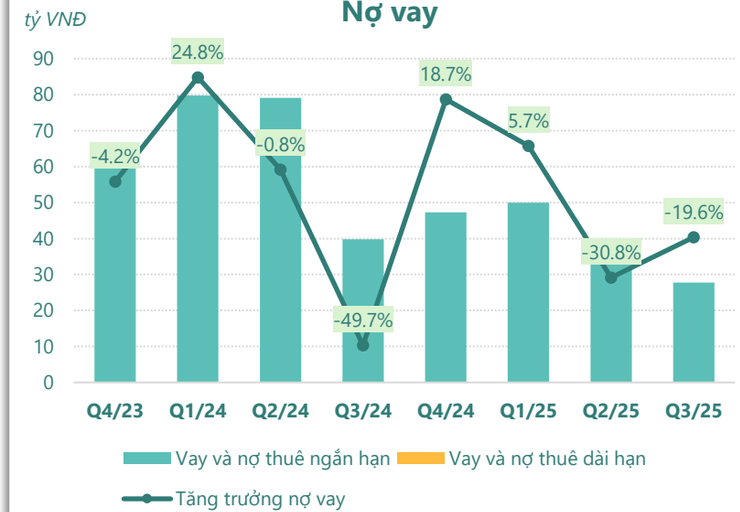
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

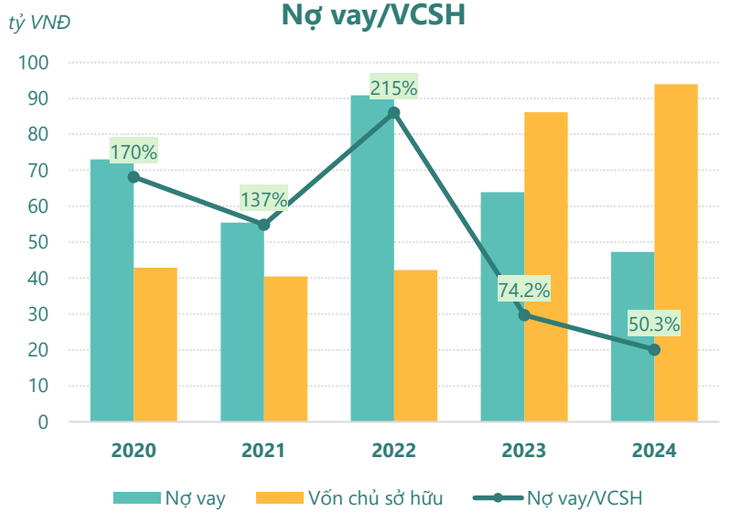
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

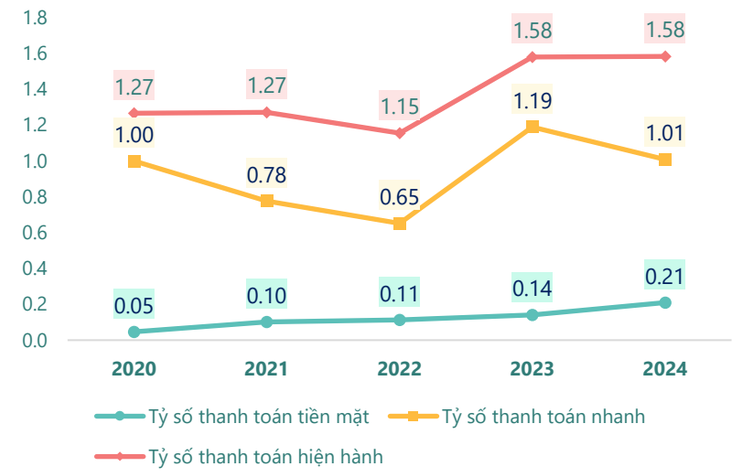
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



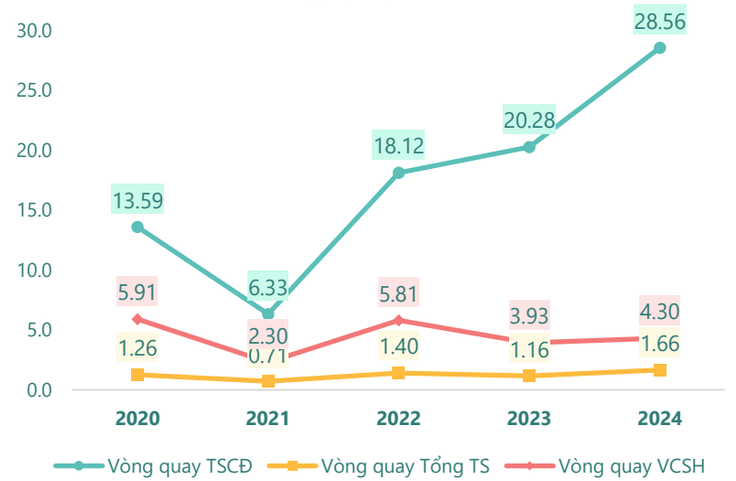
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



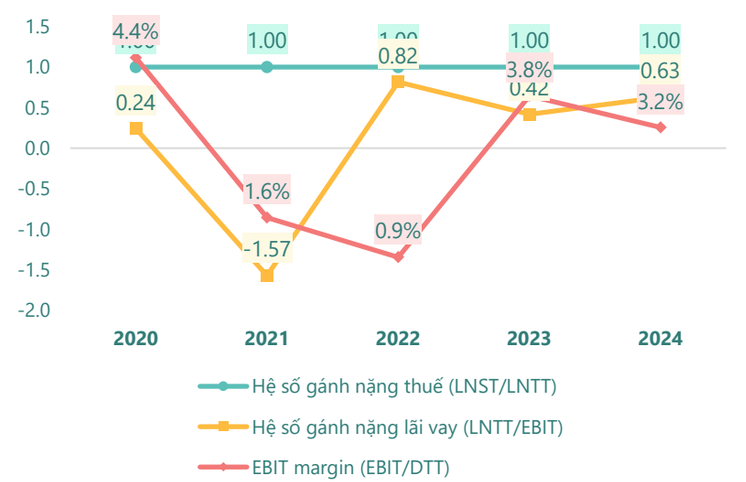
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



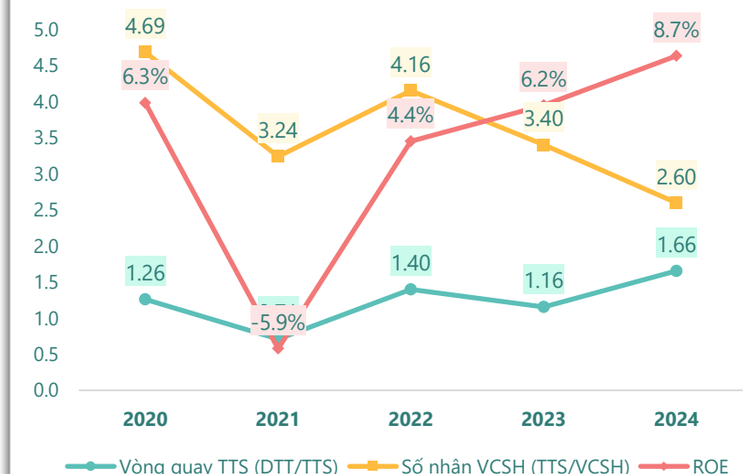
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



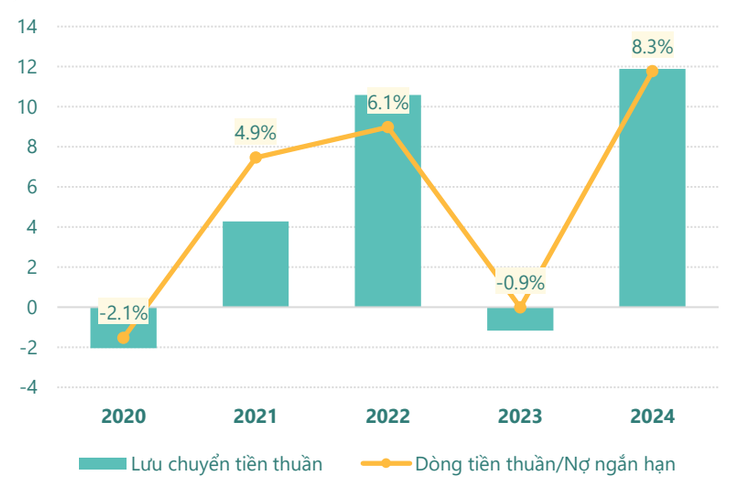
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**57.6**	**48.1**	**19.8%**	**205**	**332**	**-38.2%**
Giá vốn hàng bán	52.5	42.7	22.9%	188	307	-38.7%
Lợi nhuận gộp	5.15	5.45	-5.4%	17.0	24.9	-31.7%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	-32.8%	0.07	0.15	-55.1%
Chi phí TC	0.34	0.80	-57.6%	2.00	3.82	-47.5%
Chi phí lãi vay	0.34	0.80	-58.1%	1.92	3.78	-49.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.63	5.58	-88.8%
Chi phí QLDN	**3.90**	**4.09**	**-4.7%**	**11.5**	**12.1**	**-4.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.92	0.56	65.1%	2.94	3.62	-18.7%
Lợi nhuận khác	**-0.15**	**0.00**		**-0.37**	**0.00**	**-19274%**
LN trước thuế	0.77	0.56	37.5%	2.57	3.62	-29.0%
Lợi nhuận sau thuế	**0.62**	**0.56**	**10.0%**	**2.01**	**3.62**	**-44.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.62**	**0.56**	**10.0%**	**2.01**	**3.62**	**-44.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.62	47.5	-4.41	-14.3	22.9	-4.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.67	-2.00	0.22	-0.68	-0.10	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.64	-39.3	7.45	2.71	-15.4	-6.78
Tiền đầu kỳ	25.7	20.8	27.0	30.2	17.9	25.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.92**	**6.17**	**3.26**	**-12.3**	**7.35**	**-11.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	-0.05	0	0.01	0
Tiền cuối kỳ	20.8	27.0	30.2	17.9	25.3	13.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**168**	**247**	**-32.0%**
Tài sản ngắn hạn	153	228	-32.9%
Tiền và tương đương tiền	13.5	30.2	-55.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	74.4	111	-32.8%
Hàng tồn kho	60.0	82.7	-27.4%
Tài sản ngắn hạn khác	4.97	4.19	18.6%
Tài sản dài hạn	**15.3**	**19.6**	**-21.9%**
Phải thu dài hạn	0.89	1.46	-38.8%
Tài sản cố định	12.0	14.6	-17.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.43	0.70	-38.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.02	0.02	-4.8%
Tài sản dài hạn khác	**1.92**	**2.85**	**-32.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	72.2	153	-52.9%
Nợ ngắn hạn	**62.7**	**144**	**-56.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.8	47.3	-41.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.7	32.3	-63.6%
Nợ dài hạn	9.53	9.51	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**96.0**	**93.9**	**2.1%**
Vốn chủ sở hữu	**96.0**	**93.9**	**2.1%**
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)